

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-PT
Ngày: 05/01/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 351/2025/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án sơ thẩm số 106/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 7526/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; Địa chỉ trụ sở: Số 149 đường A, phường A (trước là Phường A1, quận A1), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1993 (có mặt); Địa chỉ liên lạc: Số 454 đường B, Phường B (trước là Phường B1, Quận B1) Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; Địa chỉ: 71 đường C, Ấp 34, xã C (trước là Tổ 1, ấp 5, xã C1, huyện Củ Chi), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức H, sinh năm 1970, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ liên hệ: 71 đường C, Ấp 34, xã C (trước là Tổ 1, ấp 5, xã C1, huyện Củ Chi), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2025, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/01/2019 Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công ty H) có ký Hợp đồng mua & bán số 01.01/SHP-NH/2019 có thời hạn thực hiện đến hết ngày 31/12/2019, theo đó Công ty P bán sản phẩm sơn cho Công ty H và sau 30 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ thì Công ty H phải trả tiền mua hàng cho Công ty P, trường hợp Công ty H không thanh toán đúng thời hạn quy định thì phải trả thêm lãi suất quá hạn cho Công ty P theo mức lãi suất của Ngân hàng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/6/2024 thì Công ty H còn nợ Công ty P đến ngày 31/5/2024 tổng cộng 925.957.714 đồng. Sau khi các bên ký đối chiếu công nợ thì không phát sinh giao dịch khác, Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Công ty H trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả số tiền còn nợ 925.957.714 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày 31/12/2024 theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng B là 01%/tháng là 64.817.040 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty P xác định yêu cầu Công ty H phải trả số tiền tổng cộng 1.074.110.948 đồng bao gồm nợ gốc là 925.957.714 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nợ quá hạn là 01%/tháng với số tiền là 148.153.234 đồng.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19/9/2025 người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn H ông Trần Đức H trình bày:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn H thừa nhận có nợ Công ty P số tiền nợ gốc là 925.957.714 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 31/5/2024 đến ngày 31/7/2025 với mức lãi suất là 12%/năm là 129.634.080 đồng. Công ty H đồng ý trả số tiền này nhưng do hiện nay công ty đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ nên xin Công ty P số tiền lãi, còn nợ gốc xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 106/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền tổng cộng 1.074.110.948 đồng, trả ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn H vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 10/10/2025, Công ty trách nhiệm hữu hạn H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm chưa phù hợp tình hình thực tế của vụ tranh chấp và quy định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét xét xử lại toàn bộ vụ án.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty H trình bày: Bị đơn giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm, kháng cáo đề nghị được xem xét miễn giảm tiền lãi và xin trả dần tiền gốc theo khả năng mỗi tháng là 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Lý do công ty hiện nay khó khăn nên không còn hoạt động.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty P trình bày: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Nguyên đơn giữ nguyên nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Kháng cáo của Công ty H là bị đơn còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Phạm vi xét xử phúc thẩm: Do Công ty H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nên căn cứ quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các yêu cầu khởi kiện.

[4] Xét, tài liệu chứng cứ do Công ty P giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thể hiện tại biên bản lập ngày 08/9/2025 gồm: Hợp đồng mua & bán ngày 02/01/2019, bảng chi tiết công nợ, biên bản xác nhận công nợ ngày 04/6/2024, công văn số 01 NH-HP ngày 19/11/2024 v/v thanh toán công nợ. Tại phiên họp này phía Công ty H vắng mặt nhưng Tòa án cấp sơ

thẩm không tiến hành thủ tục thông báo kết quả phiên họp cho Công ty H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự là có vi phạm về thủ tục tố tụng. Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu này và được phía đại diện Công ty H thừa nhận. Do đó căn cứ quy định của Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự, các tài liệu được ghi nhận tại các biên bản nêu trên được xác định là chứng cứ vụ án. Vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

[5] Căn cứ lời trình bày của Công ty P và chứng cứ tại hồ sơ, có cơ sở xác định giữa Công ty P và Công ty H có giao kết và thực hiện Hợp đồng mua & bán số 01.01/SHP-NH/2019 ngày 02/01/2019, theo đó Công ty P bán hàng hóa là sản phẩm sơn cho Công ty H. Sau khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng thì Công ty H xác nhận công nợ còn nợ Công ty P số tiền là 925.957.714 đồng. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 19/9/2025 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty H đã xác nhận còn nợ Công ty P tiền mua hàng phát sinh từ hợp đồng này với tổng số tiền gốc là 925.957.714 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 31/05/2024 theo mức lãi suất là 12%/ năm, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty H trình bày kháng cáo không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc Công ty H phải trả nợ gốc và lãi một lần. Công ty H đề nghị được thanh toán số tiền nợ gốc theo phương thức trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và miễn toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán.

[7] Xét, Hợp đồng mua & bán số 01.01/P-H/2019 đã hết thời hạn thực hiện từ ngày 31/12/2019, nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng của Công ty H phát sinh từ hợp đồng đến nay đã lâu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Tại công văn số 01 NH-HP ngày 19/11/2024 v/v thanh toán công nợ, Công ty H đã đề xuất được thanh toán mỗi tháng là 100.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 01/2025 nhưng cũng không thực hiện. Tại tòa Công ty H đề nghị được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và miễn toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán nhưng không được Công ty P chấp nhận, ngoài ra Công ty H cũng không nêu được căn cứ phù hợp cho đề nghị như trên của mình, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của Công ty H. Như vậy, Công ty P yêu cầu Công ty H phải trả ngay một lần trả số tiền tổng cộng là 1.074.110.948 đồng bao gồm nợ gốc là 925.957.714 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 148.153.234 đồng là phù hợp. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc Công ty H phải thanh toán một lần số tiền 1.074.110.948 đồng bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm trả là đúng quy định.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên Công ty H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố

tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền tổng cộng 1.074.110.948 (Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng), trả ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn H vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.223.328 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba ngàn ba trăm hai mươi tám đồng) buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền tạm ứng án phí 20.861.622 (Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0063790 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0025369 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực 8, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhàn